TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HÀ TĨNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 11/2024/QĐST-HNGĐ	*Hà Tĩnh, ngày 29 tháng 3 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

Thành phần giải quyết việc Hôn nhân gia đình gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Bùi Quang Năng

Thư ký phiên họp: Bà Lê Thanh Huyền

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên họp: Bà Dương Thị Thanh Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh, mở phiên họp công khai giải quyết việc Hôn nhân gia đình thụ lý số 43/2024/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 2 năm 2024 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con", theo Quyết định mở phiên họp số 10/2024/QĐST-HNGĐ ngày 22/3/2024 gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân gia đình:

- Anh Trần Quang G, Sinh năm: 1977;Nơi ĐKHKTT trước khi xuất cảnh: Tổ dân phố T, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh; Hiện đang lao động tại Cộng hòa Séc; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Chị Nguyễn Thị L; Sinh năm: 1984; Địa chỉ: Tổ dân phố T, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH:

Theo đơn yêu cầu ly hôn, bản tự khai chị Nguyễn Thị L và anh Trần Quang G trình bày như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Quang G và chị Nguyễn Thị L kết hôn ngày 28/5/2007, hôn nhân tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã K, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại phường T, thành phố H, cuộc sống

hạnh phúc đến đầu năm 2008 anh G đi nước ngoài còn chị L thì vẫn làm việc tại TP H và chăm sóc con chung. Anh Trần Quang G vẫn liên lạc về nhà và gửi tiền về nuôi con. Tuy nhiên, do ở xa tình cảm vợ chồng dần phai nhạt, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh và ngày càng trầm trọng, do bất đồng quan điểm sống. Từ năm 2018 đến nay anh G không về thăm mẹ con chị L lần nào, liên lạc cũng ít. Anh Trần Quang G và chị Nguyễn Thị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án công nhận cho anh chị thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên là Trần Nguyễn Việt A, sinh ngày 18/3/2008 và Trần Nguyễn Tùng L1, sinh ngày 19/11/2018, khi ly hôn vợ chồng thống nhất giao con chung cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Trần Quang G cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 10.000.000 đồng cho hai con chung kể từ khi ly hôn đến khi các con đủ 18 tuổi trưởng thành theo phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa giải quyết.

Anh Trần Quang G và chị Nguyễn Thị L đều có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Anh Trần Quang G ủy quyền việc nhận các văn bản tố tụng cho mẹ anh là bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1958, trú tại tổ dân phố H, phường N, thị xã H, tỉnh Hà Tĩnh.

Đại diện VKSND tỉnh Hà Tĩnh sau khi phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký phiên họp và các đương sự đã phân tích đánh giá các chứng cứ của vụ án và đề nghị Tòa án áp dụng Điều 51, 55, 57, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117, 118, 123 Luật Hôn nhân gia đình; khoản 2 Điều 29; điểm b khoản 1 Điều 37; Điều 149; các Điều 361, 367, 369, 370, 371, 464 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trần Quang G và chị Nguyễn Thị L.

- Về con chung: Giao hai con chung Trần Nguyễn Việt A, sinh ngày 18/3/2008; Trần Nguyễn Tùng L1, sinh ngày 19/11/2018 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành hoặc đến khi có sự thay đổi về quyền nuôi con. Anh Trần Quang G cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 10.000.000 đồng cho hai con chung kể từ khi ly hôn đến khi các con trưởng thành đủ 18 tuổi theo phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

- Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Chấp nhận sự tự nguyện chịu 300.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm của chị Nguyễn Thị L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc Hôn nhân gia đình; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp; Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Chị Nguyễn Thị L có địa chỉ cư trú tại tổ dân phố T, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh. Anh Trần Quang G có nơi ĐKHKTT trước khi xuất cảnh tại tổ dân phố T, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh, hiện sống tại Cộng hòa S. Căn cứ các quy định tại Điều 29, Điều 37, Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự thì vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh. Anh G, chị L đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt anh, chị. Anh G ủy quyền việc nhận các văn bản tố tụng cho mẹ anh là bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1958, trú tại tổ dân phố H, phường N, thị xã hồng L, tỉnh Hà Tĩnh. Căn cứ quy định tại Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành mở phiên họp giải quyết việc Hôn nhân gia đình vắng mặt anh G và chị L theo thủ tục chung.

[1.2] Căn cứ các văn bản của anh Trần Quang G gửi về: Đơn khởi kiện về việc ly hôn; đơn đề nghị giải quyết ly hôn vắng mặt, chưa được cơ quan có thẩm quyền chứng thực chữ ký, chữ viết. Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh đã trưng cầu Phòng K - Công an tỉnh H giám định chữ ký, chữ viết của anh G trong các văn bản trên so với chữ ký, chữ viết của anh trong Giấy chứng nhận kết hôn và hợp đồng ủy quyền. Tại Kết luận giám định số 498/KL - KTHS ngày 18/3/2024 của Phòng K - Công an tỉnh H xác định: "Chữ viết "Trần Quang G" dưới mục "Người làm đơn" trên các mẫu cần giám định ký hiệu A1, A2 so với chữ viết "Trần Quang G" dưới mục "BÊN ỦY QUYỀN" trên mẫu so sánh ký hiệu M2 là do cùng một người viết ra. Chữ ký dưới mục "Người làm đơn" trên mẫu cần giám định ký hiệu A1 so với chữ ký đứng trên Trần Quang G dưới mục "Chữ ký của chồng" trên mẫu so sánh ký hiệu M1 và dưới mục "BÊN ỦY QUYỀN" trên mẫu so sánh ký hiệu M2 do cùng một người ký ra". Như vậy, có căn cứ để xác định nội dung trong các văn bản anh G gửi về thể hiện ý chí, nguyện vọng của anh G.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Quang G và chị Nguyễn Thị L kết hôn trên cơ sở tự nguyên, đăng ký kết hôn ngày 28/5/2007 tại UBND xã K, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh. Việc kết hôn giữa anh G và chị L thực hiện đúng theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình nên đây là hôn nhân hợp pháp. Theo trình bày của đương sự, sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian, thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh G đi lao động tại nước ngoài từ năm 2008, vợ chồng sống xa nhau, tình cảm dần phai nhạt, bất đồng quan điểm sống, hai bên xác định tình cảm không còn nên yêu cầu Tòa án công nhận tình ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy, anh G và chị L không thực hiện quyền và

nghĩa vụ của vợ chồng làm cho tình trạng hôn nhân trầm trọng, mâu thuẫn căng thẳng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, hai bên có yêu cầu ly hôn là có căn cứ, phù hợp Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trần Quang G và chị Nguyễn Thị L.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên là Trần Nguyễn Việt A, sinh ngày 18/3/2008 và Trần Nguyễn Tùng L1, sinh ngày 19/11/2018, vợ chồng thống nhất giao con chung cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Trần Quang G cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 10.000.000 đồng cho hai con chung kể từ khi ly hôn đến khi các con đủ 18 tuổi trưởng thành theo phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng. Vì vậy, căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình công nhận sự thỏa thuận nuôi con chung của các đương sự.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: anh Trần Quang G và chị Nguyễn Thị L không yêu cầu Toà án giải quyết nên miễn xét.

[5] Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Chấp nhận sự tự nguyện chịu 300.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm của chị Nguyễn Thị L.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, 55, 57, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117, 118, 123 Luật Hôn nhân gia đình; khoản 2 Điều 29; điểm b khoản 1 Điều 37; Điều 149; các Điều 361, 367, 369, 370, 371, 464 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trần Quang G và chị Nguyễn Thị L.

2. Về con chung: Giao hai con chung Trần Nguyễn Việt A, sinh ngày 18/3/2008; Trần Nguyễn Tùng L1, sinh ngày 19/11/2018 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành hoặc đến khi có sự thay đổi về quyền nuôi con. Anh Trần Quang G cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 10.000.000 đồng cho hai con chung kể từ khi ly hôn đến khi các con trưởng thành đủ 18 tuổi theo phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Chấp nhận sự tự nguyện chịu 300.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm của chị Nguyễn Thị L. Chị L đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0000801 ngày 28/2/2024 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành. Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân và gia đình không có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp không có quyền kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm đối với Quyết định này.

5. "Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- Đương sự ;
- UBND xã Kim Lộc,
huyện Can Lộc, Hà Tĩnh (Nơi ĐKKH);
- Lưu HS, TDS.

THẨM PHÁN - CHỦ TRÌ PHIÊN HỌP

Bùi Quang Năng